

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04-7-2024

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

2. Bà Phạm Thị Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn H** - Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn A R, xã H B, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

* **Bị đơn:** Chị **Trần Thị S** - Sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn H Tr 2, xã H B, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Anh H có mặt, chị S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai: Nguyên đơn - anh Nguyễn Văn H trình bày:* Anh và chị Trần Thị S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/8/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Hồng Châu (nay là xã Hồng Bạch), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2004, sau đó do anh nghi ngờ chị S có quan hệ nam nữ không làm mạnh, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Bên cạnh đó hoàn cảnh gia đình anh có mẹ già thường xuyên yếu đau và có em bị bệnh tâm thần nên chị S cho rằng gánh nặng gia đình nhà chồng quá vất vả chị không chịu được hoàn cảnh của gia đình anh. Cuối năm 2009 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, gia đình đã đón chị S về nhà ngoại ở thôn Hậu Trung 2, xã Hồng Bạch sinh sống từ đó đến nay. Trong thời gian chị S về bên ngoại khoảng 1 năm đầu anh có đến tìm động viên chị S về đoàn tụ gia đình nhưng chị S không về, sau này do bận mải phải đi làm ăn kinh tế để nuôi mẹ già, nuôi em tâm thần, nuôi con ăn học nên anh và chị S đã sống ly thân tự lo liệu cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau từ năm 2009. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị S.

Anh và chị Trần Thị S có 3 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/01/1997, Nguyễn Thị T1, sinh ngày 02/7/2000 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/8/2006. Hai con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 đã trưởng thành tự lập về kinh tế nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con. Con Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/8/2006 hiện nay đang đi nghĩa vụ quân sự đóng quân tại huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Ly hôn, anh xin được nuôi con Nguyễn Văn D không yêu cầu chị Trần Thị S cấp dưỡng và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

** Tại Biên bản ghi lời khai, Bị đơn - chị Trần Thị S trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/8/1994 tại UBND xã Hồng Châu (nay là xã Hồng Bạch) huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H đi buôn bán đã phải lòng người phụ nữ khác về nhà sinh sự với vợ con dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng đã sống ly thân từ năm 2008, hai người đối xử với nhau như kẻ thù, vợ chồng không còn tình nghĩa, chị không đề nghị Tòa án hòa giải, nay anh H xin ly hôn chị không quan tâm, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn H.

Chị và anh Nguyễn Văn H có 3 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/01/1997, Nguyễn Thị T1, sinh ngày 02/7/2000 và Nguyễn Văn D, sinh ngày

25/8/2006. Hai con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 đã trưởng thành tự lập về kinh tế chị không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con. Con Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/8/2006 hiện nay đang đi nghĩa vụ quân sự đóng quân tại huyện Ch L, tỉnh Hải Dương, chị yêu cầu anh H phải có trách nhiệm với con Nguyễn Văn D và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*** *Biên bản xác minh tại UBND xã H B thể hiện:*** Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị S có đăng ký kết hôn ngày 13/8/1994 tại Ủy ban nhân dân xã H Ch (nay là xã H B), huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị S đã về thôn H Tr 2, xã H sinh sống cùng bố mẹ đẻ từ khoảng năm 2010, còn anh H sinh sống cùng mẹ đẻ và em gái bị bệnh tâm thần ở thôn A R, xã H B, hiện nay mẹ đẻ anh H đã chết. Anh H và chị S đều là người theo đạo thiên chúa giáo, việc anh H, chị S mâu thuẫn, anh chị không đề nghị chính quyền địa phương hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Vợ chồng anh H, chị S đã sống ly thân từ lâu, anh H xin ly hôn chị S chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị S có 3 con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/01/1997, Nguyễn Thị T1, sinh ngày 02/7/2000 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/8/2006. Hai con chung Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế. Cháu Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/8/2006 tự nguyện tham gia nghĩa vụ quân sự, đóng quân tại huyện Ch L, tỉnh Hải Dương. Nay anh H, chị S ly hôn, đề nghị Tòa án giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn D.

*** Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Trần Thị S, anh đề nghị được nuôi con Nguyễn Văn D, không yêu cầu chị S cấp dưỡng và anh không yêu cầu giải quyết về tài sản.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đảm bảo đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật và đề nghị:** Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị S.

- Về quan hệ con chung:

+ Con chung Nguyễn Văn T, sinh năm 1997 và Nguyễn Thị T1, sinh năm 2000 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

+ Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/8/2006. Chấp nhận việc anh H không yêu cầu chị Trần Thị S cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

- Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:**

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị S đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Hồng Bạch, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Chị Trần Thị S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị S kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H B, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày 13/8/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên thiếu sự tin tưởng lẫn nhau và không tìm được tiếng nói chung. Năm 2009, chị S về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân với anh H, hai bên tự lo liệu cuộc sống riêng không quan tâm đến nhau. Nay anh H xin ly hôn, chị S xác định vợ chồng ly thân nhau đã lâu, sống không còn tình nghĩa và đối xử với nhau như kẻ thù, như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị S là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị S có 3 con chung là

Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/01/1997, Nguyễn Thị T1, sinh ngày 02/7/2000 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/8/2006. Các cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị T1 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết. Ly hôn, anh H xin nuôi cháu Nguyễn Văn D, không yêu cầu chị S cấp dưỡng, cháu Dương có đơn đề nghị được ở với mẹ, tuy nhiên chị S không tham gia tố tụng tại Tòa án và không nhận trách nhiệm nuôi con, vì vậy cần giao cháu Dương cho anh H nuôi dưỡng. Do anh H không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con nên việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị S không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Trần Thị S.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Con chung Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/01/1997 và Nguyễn Thị T1, sinh ngày 02/7/2000 đã trưởng thành, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

2.2. Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Văn D, sinh ngày 25/8/2006. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003174 ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Nguyễn Văn H, vắng mặt chị Trần Thị S. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

*** Nơi nhận:**

- TAND - VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Đông Hưng;
- UBND xã H B, h. Đông Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Phương Thảo

